

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ
QUỸ TÍN PHÁT**

Báo cáo kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc vào
Ngày 31/12/2012



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 20

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ TÍN PHÁT

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Maritimebank, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tín Phát (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

Thành phần Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị trong suốt năm tài chính đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Họ và tên	Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 31/12/2011
	Chức vụ	Chức vụ
Ông Lê Đình Ngọc	Chủ tịch	-
Ông Nguyễn Thanh Dương	Ủy viên	Chủ tịch
Ông Bùi Đình Chiên	Ủy viên	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Giang	* Miễn nhiệm 01/12/2012	Ủy viên

Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát trong suốt năm tài chính đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Họ và tên	Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 31/12/2011
	Chức vụ	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Minh Lan	Trưởng ban	Trưởng ban
Bà Trần Thị Kim Oanh	Thành viên	Thành viên

Ban Giám đốc và kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Giám đốc và kế toán trưởng đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 31/12/2011
	Chức vụ	Chức vụ
Ông Phạm Trọng Bình	Tổng Giám đốc	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Giang	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm 01/12/2012)	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Hoàn	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm 01/01/2013)	-
Bà Bùi Thị Thùy Ngân	Kế toán trưởng	Kế toán trưởng

Các hoạt động chính của Công ty

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Nhận ủy thác vốn và đầu tư vốn;
- Quản lý doanh mục đầu tư chứng khoán.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cho phép.

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã được lựa chọn là kiểm toán viên, thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tín Phát.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng và sự khác biệt trọng yếu (nếu có) được công bố, giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính nhằm hạn chế những sai sót trên Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản, đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa, phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012, kết quả kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ cùng ngày.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Đức Hoàn
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2013

Số: 89./2013/BCKT-BDO

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tín Phát
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tín Phát**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tín Phát gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính sau kiểm toán của Công ty được lập ngày 30 tháng 03 năm 2013 trình bày từ trang 05 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tín Phát. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở để đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và các chuẩn mực kiểm toán quốc tế được thừa nhận tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, thu thập các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Việc xem xét và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp, không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về sự hiện hữu của hệ thống kiểm soát nội bộ trong đơn vị.

Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý cho ý kiến của mình.

Hạn chế

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 Công ty chưa thực hiện lưu ký đầy đủ tài sản của nhà đầu tư tại ngân hàng lưu ký, vì vậy Công ty chưa thể tách biệt được danh mục tài sản sử dụng nguồn vốn tự doanh và tài sản sử dụng nguồn vốn nhận ủy thác đầu tư trên Báo cáo tài chính năm 2012.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của hạn chế nêu trên đến các chỉ tiêu được trình bày trên Báo cáo tài chính, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tín Phát và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Đại diện Công ty TNHH Kiểm toán BDO



Bùi Văn Vương
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: 0708/KTV



Lê Thị Quỳnh Nga
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 1137/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.484.155.871.859	3.378.839.495.151
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	14.077.854.217	26.169.296.321
1. Tiền	111		677.854.217	10.469.296.321
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.400.000.000	15.700.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	1.814.819.471.557	3.166.760.650.152
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.862.046.841.654	3.166.760.650.152
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(47.227.370.097)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		653.233.446.085	183.945.220.769
1. Phải thu khách hàng	131		577.547.583.500	116.332.440.000
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	V.03	54.594.398	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.04	75.631.268.187	67.612.780.769
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.025.100.000	1.964.327.909
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	328.027.909
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	2.025.100.000	1.636.300.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.283.498.666	3.739.271.859
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		95.586.140	142.984.134
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	26.975.035	54.373.025
- Nguyên giá	222		95.135.200	122.942.350
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(68.160.165)	(68.569.325)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	68.611.105	88.611.109
- Nguyên giá	228		100.000.000	100.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(31.388.895)	(11.388.891)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.08	4.177.912.526	3.307.444.078
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		5.850.000.000	3.900.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(1.672.087.474)	(592.555.922)
V. Tài sản dài hạn khác	260		10.000.000	288.843.647
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		10.000.000	288.843.647
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.488.439.370.525	3.382.578.767.010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Tiếp theo)				Đơn vị tính: VNĐ	
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm	
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.454.532.371.347	3.351.454.904.780	
I. Nợ ngắn hạn	310		2.454.532.371.347	3.351.454.904.780	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-	
2. Phải trả người bán	312		-	1.974	
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.09	7.777.000	17.459.000	
5. Phải trả người lao động	315		-	-	
6. Chi phí phải trả	316		-	-	
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-	
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.10	2.454.524.594.347	3.351.437.443.806	
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-	
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-	
11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-	
12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	-	
II. Nợ dài hạn	330				
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-	
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-	
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-	
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-	
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-	
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-	
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-	
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-	
9. Quỹ phát triển-khoa học và công nghệ	339		-	-	
10. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		-	-	
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.11	33.906.999.178	31.123.862.230	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		26.000.000.000	26.000.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-	
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-	
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-	
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-	
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.906.999.178	5.123.862.230	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.488.439.370.525	3.382.578.767.010	

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký của Công ty quản lý quỹ	006		24.263.278	564
Trong đó:				
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		24.263.278	564
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	008		-	-
6.3. Chứng khoán cầm cố	009		-	-
6.4. Chứng khoán tạm giữ	010		-	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	011		-	-
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	012		-	-
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	013		-	-
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	014		-	-
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	015		-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý	020		62.054.242	47.620.115
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	V.12	2.114.000.000.000	3.208.201.459.728
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		2.114.000.000.000	3.208.201.459.728
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		-	-
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác (*)	040		-	-
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		-	-
9.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042		-	-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050		-	-
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051		-	-

(*): Tại thời điểm 31/12/2012 Công ty chưa tách biệt được danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác với tài sản tự doanh của Công ty



Nguyễn Đức Hoàn

Phó Tổng Giám Đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2013

Bùi Thị Thủy Ngân

Kế toán Trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VNĐ	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01	VI.13	296.983.390	476.893.569
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		296.983.390	476.893.569
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11		-	1.050.000
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		296.983.390	475.843.569
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.14	440.449.071.708	1.019.625.388.182
7. Chi phí tài chính	22	VI.15	432.580.654.706	1.007.131.221.564
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.382.263.444	7.667.717.172
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.783.136.948	5.302.293.015
11. Thu nhập khác	31		-	3.500.000
12. Chi phí khác	32		-	38.998.032
13. Lợi nhuận khác	40		-	(35.498.032)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.783.136.948	5.266.794.983
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.783.136.948	5.266.794.983
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.070	2.026



Nguyễn Đức Hoàn

Phó Tổng Giám Đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2013

Bùi Thị Thủy Ngân

Kế toán Trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VNĐ

Chi tiêu	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		242.388.992	476.786.467
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(12.643.058.120)	(6.496.272.154)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.455.463.680)	(2.552.873.902)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		141.035.813.484	7.788.882.260.762
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.064.584.140.071)	(9.034.312.655.444)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(938.404.459.395)	(1.254.002.754.271)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-	(42.890.000)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(610.375.612.067)	(3.486.468.829.502)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.204.334.784.888	4.402.043.215.216
7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27		332.353.844.470	9.251.172.041
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		926.313.017.291	924.782.667.755
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(12.091.442.104)	(329.220.086.516)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		26.169.296.321	355.389.382.837
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII.34	14.077.854.217	26.169.296.321



Nguyễn Đức Hoàn

Phó Tổng Giám Đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2013

Bùi Thị Thủy Ngân

Kế toán Trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ TÍN PHÁT

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Maritimebank, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Mẫu số B 05 - CTQ

Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC
ngày 05/09/2011 của Bộ tài chính**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Năm 2012

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng		Số giảm		Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		26.000.000.000	26.000.000.000	-	-	-	-	26.000.000.000	26.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		-	-	-	-	-	-	-	-
9. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	VIII	(142.932.753)	5.123.862.230	5.266.794.983	2.783.136.948	-	-	5.123.862.230	7.906.999.178
Cộng		25.857.067.247	31.123.862.230	5.266.794.983	2.783.136.948	-	-	31.123.862.230	33.906.999.178



Nguyễn Đức Hoàn

Phó Tổng Giám Đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2013

Bùi Thị Thủy Ngân

Kế toán Trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tín Phát (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán số 36/UBCK-GP do Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2008. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, những thay đổi về địa điểm hoạt động và vốn điều lệ được chuẩn y tại 02 lần tại các Giấy phép điều chỉnh. Theo Giấy phép hoạt động, các hoạt động của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tín Phát là:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Vốn điều lệ của Công ty là 26.000.000.000 đồng (Hai mươi sáu tỷ đồng Việt Nam).

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 6, tòa nhà Maritimebank, 88 Láng hạ, Đống Đa, Hà Nội.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng số cán bộ nhân viên hiện đang làm việc tại Công ty là 11 người, trong đó cán bộ quản lý là 3 người.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm: Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ được Công ty sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ban hành theo Thông tư Số: 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Nguyên tắc lập Báo cáo tài chính: Nguyên tắc giá gốc.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán: Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã được biết về hai mươi sáu (26) chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và công bố mười sáu (16) chuẩn mực kế toán Việt nam (đợt 1, đợt 2, đợt 3). Hướng dẫn chi tiết thi hành các quyết định này được Bộ Tài chính ban hành qua thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 ban hành và công bố sáu (6) chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.
- Quyết định 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 ban hành và công bố bốn (4) chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.
- Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tuân thủ các Quyết định và Thông tư hướng dẫn các chuẩn mực kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn các chuẩn mực kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định hiện hành về kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản nợ và các khoản vay.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua và có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch do chuyển đổi này được ghi nhận vào Doanh thu và Chi phí hoạt động tài chính.

Số dư các tài khoản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá TSCĐ. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bắt kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản với tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính.

5. Chính sách ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính thuộc sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số tiền thực góp hoặc theo giá gốc. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ bao gồm các khoản đầu tư vào Công ty con.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập vào thời điểm Cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Các khoản lãi từ việc phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức của những khoản đầu tư này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính.

6. Chính sách ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông. Vốn chủ sở hữu là khoản tiền hoặc tài sản do các cổ đông đóng góp cổ phần tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012 là số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ đi (-) thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ được thực hiện theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và do Hội đồng quản trị trình Đại hội cổ đông quyết định.

7. Chính sách ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động nghiệp vụ:

Doanh thu phát sinh từ hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán, hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán và hoạt động nghiệp vụ khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

8. Chính sách ghi nhận chi phí hoạt động tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Các khoản chi phí sử dụng vốn phải trả liên quan đến các khoản nhận uỷ thác đầu tư;
- Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định bằng thu nhập chịu thuế nhân (x) với thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Thuế TNDN: thuế suất là 25%.
- Thuế môn bài: 3 triệu đồng/năm
- Các loại thuế khác: được tính theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, do đó số liệu thuế TNDN có thể sẽ bị thay đổi khi có quyết toán của cơ quan thuế. Bất kỳ điểm khác biệt nào về thuế sẽ được công ty điều chỉnh sổ kế toán và Báo cáo tài chính tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

V Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu dưới đây được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VNĐ)

	Số cuối năm	Số đầu năm
1 Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền mặt	3.866.633	2.632.175
Tiền gửi ngân hàng (i)	673.987.584	10.466.664.146
Các khoản tương đương tiền (ii)	13.400.000.000	15.700.000.000
Tổng cộng	14.077.854.217	26.169.296.321

(i) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2012 bao gồm:

	Ngoại tệ	VND
Tiền gửi tại NH TMCP Hàng hải Việt Nam - CN Đống Đa (TK 3333)	-	383.867.217
Tiền gửi tại NH TMCP Hàng hải Việt Nam - CN Đống Đa (TK 2222)	-	182.386
Tiền gửi tại NH TMCP Hàng hải Việt Nam - CN Đống Đa (TK 0066)	-	126.766.055
Tiền gửi tại NH TMCP Đại Dương	-	3.527
Tiền gửi tại NH TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hà Thành	-	23.948.446
Tiền gửi giao dịch chứng khoán tại CTCP chứng khoán Maritimebank	-	139.219.953
Tổng cộng	-	673.987.584

(ii) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2012 bao gồm:

	Ngoại tệ	VND
Tiền gửi có kỳ hạn <3 tháng tại NH TMCP Hàng hải Việt Nam - CN Đống Đa	-	13.400.000.000
Tổng cộng	-	13.400.000.000

2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (**)	1.674.581.415.108	1.337.326.040.658
Đầu tư ngắn hạn khác	187.465.426.546	1.829.434.609.494
- Ủy thác lại theo danh mục đầu tư	134.582.886.614	630.454.863.895
- Hợp tác đầu tư	-	544.000.000.000
- Đầu tư ngắn hạn khác	52.882.539.932	654.979.745.599
Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn (*)	(47.227.370.097)	-
Tổng cộng	1.814.819.471.557	3.166.760.650.152

(*) Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn là khoản chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường được niêm yết trên sàn chứng khoán vào cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội (MBB)

(**) Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn				
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	86.317.520	984.581.415.108	56.553.564	647.326.040.658
+ Cổ phiếu niêm yết	24.263.278	350.518.359.897	564	7.064.800
+ Cổ phiếu chưa niêm yết	62.054.242	634.063.055.211	56.553.000	647.318.975.858
- Trái phiếu đầu tư ngắn hạn	690	690.000.000.000	690	690.000.000.000
Tổng cộng	86.318.210	1.674.581.415.108	56.554.254	1.337.326.040.658

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

	Số cuối năm	Số đầu năm
3 Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ		
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	54.594.398	-
Tổng cộng	54.594.398	-
4 Các khoản phải thu khác		
Phải thu khác	75.631.268.187	67.612.780.769
- Dự thu lãi trái phiếu	75.555.890.410	63.871.289.955
- Dự thu lãi từ ủy thác đầu tư	-	3.018.157.481
- Dự thu lãi tiền	75.377.777	723.333.333
Tổng cộng	75.631.268.187	67.612.780.769
5 Tài sản ngắn hạn khác		
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Tạm ứng	1.990.000.000	1.601.200.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	35.100.000	35.100.000
Tổng cộng	2.025.100.000	1.636.300.000

6 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện VT, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	-	-	-	122.942.350	122.942.350
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý nhượng bán	-	-	-	(27.807.150)	(27.807.150)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	95.135.200	95.135.200
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	-	-	68.569.325	68.569.325
- Khấu hao trong năm	-	-	-	27.397.990	27.397.990
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(27.807.150)	(27.807.150)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	68.160.165	68.160.165
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	-	-	54.373.025	54.373.025
Tại ngày cuối năm	-	-	-	26.975.035	26.975.035

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 đồng
 Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng
 Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ xử lý: 0 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

7 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

<u>Khoản mục</u>	<u>Quyền sử dụng</u>	<u>Phần mềm kế toán</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	-	100.000.000	100.000.000
- Do mua mới	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	-	100.000.000	100.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	11.388.891	11.388.891
- Khấu hao trong năm	-	20.000.004	20.000.004
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	-	31.388.895	31.388.895
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	88.611.109	88.611.109
Tại ngày cuối năm	-	68.611.105	68.611.105

8 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (*)	5.850.000.000	3.900.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (**)	(1.672.087.474)	(592.555.922)
Tổng cộng	4.177.912.526	3.307.444.078

(*) Góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Mecash, tỷ lệ đầu tư 39%

(**) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được tính trên số lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Mecash tương ứng với tỷ lệ vốn góp đầu tư

9 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập cá nhân	7.777.000	17.459.000
Tổng cộng	7.777.000	17.459.000

10 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả khác	2.454.524.594.347	3.351.437.443.806
- Vốn nhận ủy thác đầu tư	2.114.000.000.000	3.208.201.459.728
- Dự trả lợi tức vốn ủy thác đầu tư	340.422.072.221	143.235.984.078
- Phải trả phí ủy thác lại	102.522.126	-
Tổng cộng	2.454.524.594.347	3.351.437.443.806

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

11 Vốn chủ sở hữu**a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	26.000.000.000	(142.932.753)	25.857.067.247
Lãi trong năm trước	-	5.266.794.983	5.266.794.983
Phân phối lợi nhuận	-	-	-
Số dư cuối năm trước	26.000.000.000	5.123.862.230	31.123.862.230
Số dư đầu năm nay	26.000.000.000	5.123.862.230	31.123.862.230
Lãi trong năm nay	-	2.783.136.948	2.783.136.948
Phân phối lợi nhuận	-	-	-
Số dư cuối năm nay	26.000.000.000	7.906.999.178	33.906.999.178

b Chi tiết vốn góp đầu tư của chủ sở hữu

Đối tượng	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ông Nguyễn Thanh Dương	15.860.000.000	15.860.000.000
- Ông Trịnh Việt Dũng	-	3.900.000.000
- Ông Nguyễn Khắc Bằng	-	3.380.000.000
- Ông Bùi Đình Chiên	7.800.000.000	-
- Ông Nguyễn Ngọc Giang	2.340.000.000	2.340.000.000
- Ông Nguyễn Văn Thắng	-	520.000.000
Tổng cộng	26.000.000.000	26.000.000.000

c Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	26.000.000.000	26.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	26.000.000.000	26.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong năm 2011	-	-

d Cổ tức:**d Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra (cổ phiếu)	2.600.000	2.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.600.000	2.600.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.600.000	2.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.600.000	2.600.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

	Năm nay	Năm trước
12 Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác		
<i>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng</i>		
- Số dư đầu kỳ	1.444.000.000.000	-
- Số tăng trong kỳ	-	1.444.000.000.000
- Số giảm trong kỳ	-	-
- Số dư cuối kỳ	1.444.000.000.000	1.444.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần May - Diêm Sài Gòn</i>		
- Số dư đầu kỳ	845.000.000.000	-
- Số tăng trong kỳ	-	845.000.000.000
- Số giảm trong kỳ	845.000.000.000	-
- Số dư cuối kỳ	-	845.000.000.000
<i>Công ty TNHH Quản lý và khai thác tài sản MSB (AMC)</i>		
- Số dư đầu kỳ	720.000.000.000	-
- Số tăng trong kỳ	-	1.670.000.000.000
- Số giảm trong kỳ	50.000.000.000	950.000.000.000
- Số dư cuối kỳ	670.000.000.000	720.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Đại Dương</i>		
- Số dư đầu kỳ	199.201.459.728	-
- Số tăng trong kỳ	-	276.593.202.560
- Số giảm trong kỳ	199.201.459.728	77.391.742.832
- Số dư cuối kỳ	-	199.201.459.728
VI Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh		
Các chỉ tiêu dưới đây được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VNĐ).		
13 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	296.983.390	476.893.569
Tổng cộng	296.983.390	476.893.569
14 Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	2.215.078.492	75.138.284.175
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	86.684.600.455	178.748.146.119
Cổ tức, lợi nhuận được chia	46.572.318.700	175.462.007.225
Lãi đầu tư chứng khoán	291.615.472.359	495.391.140.944
Doanh thu hoạt động tài chính khác	13.361.601.702	94.885.809.719
Tổng cộng	440.449.071.708	1.019.625.388.182
15 Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
Lỗ bán chứng khoán	5.021.672.550	164.261.602.670
Lỗ chuyển nhượng các khoản đầu tư	27.097.205.667	-
Chi phí quản lý danh mục đầu tư	1.104.847.449	-
Chi phí vốn ủy thác	350.881.630.114	840.900.642.652
Phí lưu ký, chuyển nhượng hoạt động đầu tư	168.397.277	161.000.000
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	1.215.420.320
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	48.306.901.649	592.555.922
Tổng cộng	432.580.654.706	1.007.131.221.564

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)

Điều chỉnh chi phí thuế TNDN các năm trước, chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay

Tổng cộng

	Kỳ này	Kỳ trước
	-	-
	-	-
	-	-

(*): Chi phí thuế TNDN hiện hành

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế

Thu nhập không chịu thuế (cổ tức, lợi nhuận được chia)

Chi phí không hợp lý khi tính thuế

Thu nhập chịu thuế

Số chuyển lỗ các năm trước

Thuế suất

Thuế TNDN phải nộp

2.783.136.948	A
46.572.318.700	B
346.000.000	C
(43.443.181.752)	D=A-B+C
-	E
25%	F
-	G=(D-E)x F

VII Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (không áp dụng)

VII Những thông tin khác

1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng Công ty không có khoản nợ tiềm tàng nào, các khoản cam kết trong hợp đồng vay, ngắn và dài hạn đã được thuyết minh trong phần vay ngắn, dài hạn.

2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng đến ngày lập Báo cáo này không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

3 Thông tin về các bên liên quan

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Đến thời điểm 31/12/2012 không có bên nào được xác định là bên

4 Tình hình hoạt động liên tục của Công ty

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

5 Thông tin so sánh

Số liệu đầu kỳ là số liệu được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.



Nguyễn Đức Hoàn
Phó Tổng Giám Đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2013

Bùi Thị Thủy Ngân
Kế toán Trưởng